

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-3-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Ngọc Cúc

+ Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 525/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã P, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Tổ 8, Ấp 2, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1984;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã P, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Tổ 8, Ấp 2, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông D có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn D chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 115-HT, quyển số 01/2009 ngày 03/12/2009. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, hay xung đột, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong nhiều vấn đề. Mâu thuẫn kéo dài đã nhiều năm, tuy sống chung nhà nhưng ông bà không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Ông D đánh đập bà T và các con. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Duy H, sinh ngày 27/01/2014 và Trần Kim H1, sinh ngày 06/11/2011. Khi ly hôn, bà T yêu cầu giao cháu cháu H và cháu H1 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/12/2022, bị đơn ông Trần Văn D trình bày:*

Ông và bà T kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại P, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng đến sinh sống tại Tổ 8, Ấp 2, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, có lúc đánh đập nhau. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ông hơn một năm nay không ngủ chung phòng. Mâu thuẫn vợ chồng chưa qua hòa giải tại địa phương do không yêu cầu, chỉ có một lần vợ chồng mâu thuẫn, ông giận nên có đánh con thì bà T có trình báo Công an xã T, Công an xã T có mời ông lên để khuyên bảo, không lập biên bản làm việc. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Duy H, sinh ngày 27/01/2014 và Trần Kim H1, sinh ngày 06/11/2011. Hiện nay các con đang sống cùng ông, bà. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng nếu ly hôn thì ông không có ý kiến gì vì ông không đồng ý ly hôn, ông muốn hai vợ chồng cùng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

** Về tố tụng:*

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.
- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định.

** Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn; về con chung: Giao cháu H và cháu H1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Mỹ T khởi kiện ông Trần Văn D yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T, bị đơn ông Trần Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông D sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 115-HT, quyền số 01/2009 ngày 03/12/2009, **căn cứ các Điều 11, 12, 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000** được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại địa phương nơi cư trú cho thấy: quá trình chung sống giữa bà T và ông D tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng chưa qua Ban áp 2 và UBND xã T hòa giải do đương sự không yêu cầu. Bà T có trình báo công an xã Thạnh Phú một lần để can thiệp, khuyên bảo ông D do vợ chồng xảy ra xung đột. Theo trình bày của ông D và bà T: hơn một năm nay ông bà vẫn chung sống cùng nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc nhau; trong thời gian chung sống có mâu thuẫn, ông D có hành vi dùng vũ lực nên đã được Công an xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai mời lên giải thích, khuyên bảo. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải nhưng ông D vẫn vắng mặt không đến Tòa, không có lý do chính đáng nên không thể tiến hành hòa giải. Bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông D do không thể tiếp tục sống chung được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông D là có thật, kéo dài, không thể hàn gắn nên yêu cầu của bà T về việc ly hôn là có cơ sở chấp nhận, cho bà T được ly hôn với ông Trần Văn D.

Về con chung: bà T và ông D có 02 con chung tên Trần Kim H1, sinh ngày 06/11/2011 và Trần Duy H, sinh ngày 27/01/2014. Ly hôn, bà T yêu cầu giao cháu H, cháu H1 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng con chung; bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, ông D không có ý kiến về việc nuôi con, do không đồng ý ly hôn. Bà T có nơi cư trú ổn định tại xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, đang kinh doanh, buôn bán tại nhà, có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con. Việc giao cháu H1, cháu H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cũng phù hợp

nguyện vọng của cháu H1 và cháu H. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà T về việc giao cháu H1 và cháu H cho bà trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận. Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Lê Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ T được ly hôn với ông Trần Văn D.

- Về con chung: Bà T và ông D có 02 con chung tên Trần Kim H1, sinh ngày 06/11/2011 và Trần Duy H, sinh ngày 27/01/2014. Giao cháu H1 và cháu H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ **thăm nom con chung**, không ai được cản trở ông D thực hiện quyền này.

Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0004651 ngày 31/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Bà T, ông D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã P, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nhung